

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **24/2023/HSST**
Ngày 05 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hoa

2. Ông Nguyễn Văn Viên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Ông Đàm Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 và ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội đưa ra xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2022/TL - HSST ngày 13 tháng 5 năm 2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023 Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HPT ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với:

*** Bị cáo Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985; Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn H 2, xã Đ, huyện L, tỉnh H. Chỗ ở hiện tại: thôn V, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Hoàng Trường, sinh năm 1947; Con bà: Nguyễn Thị Thắng, sinh năm 1954; Gia đình có 03 anh chị em; bị cáo là con út; Vợ: Đỗ Thị Thu Hiền, sinh năm 1990; có 02 con; con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/02/2022 đến nay.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông **Trần Việt Hùng**, ông **Nguyễn Đức Long** và ông **Nguyễn Hải Nam** – Luật sư thuộc văn phòng luật sư Trí Việt – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. (có mặt)

- Bị hại: **Nguyễn Thị Minh D**, sinh năm 1962; Đăng ký hộ khẩu: xóm một, thôn V, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- Người làm chứng: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1962; bà **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1952; ông **Vương Trường T**, sinh năm 1952; Điều trú tại: thôn V, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội.

Bị cáo Th bà D, bà T, bà U, ông T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ 20 phút, ngày 18 tháng 11 năm 2021 bà Nguyễn Thị Minh D, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị U và ông Vương Trường T đều trú tại: thôn V, xã N, huyện Q, thành phố Hà Nội đi vào ngôi Tam Bảo cũ của chùa Sùng Đức để chấp tác ngày rằm (14/10/2021 âm lịch). Khi bà D đi lên bậc thang lối vào ngôi Tam Bảo cũ của chùa Sùng Đức ở khu vực cổng cũ (xây bằng gạch), bất ngờ bị Nguyễn Văn T, sinh năm 1985, trú tại: thôn H 2, xã Đ, huyện L, tỉnh H dùng tay cầm 01 gậy gỗ (dạng cành cây dài khoảng 01 mét, đường kính 3-4 cm) vụt 03 phát vào mông bà D khiến bà D ngã cúi mặt về phía trước. Sau đó, T vứt bỏ gậy gỗ rồi tiếp tục cúi xuống nhặt 01 viên bê tông (kích thước khoảng 10x10 cm) đập 01 phát trúng vào vùng lưng bên trái của bà D rồi T ném viên bê tông lại tại hiện trường. Khi bà D bị đánh phía sau còn có ông T, bà Uyển, bà Thêm đứng ở bên trong cánh cổng sắt chùa Sùng Đức, cách vị trí bà D bị gây thương tích khoảng 7 mét chứng kiến việc Thành có hành vi gây thương tích cho bà D. Sau khi bị T đánh, bà D tự đứng dậy rồi cùng ông T, bà Uyển, bà Thêm và bà Nguyễn Thị Biện, sinh năm 1960, trú tại: thôn V, xã N (là người đến sau) tiếp tục đi theo lối đường đất vào ngôi Tam Bảo cũ của chùa Sùng Đức. Còn Thành đi vào phía bên trong, sau đó Thành lại đi ra gặp nhóm của bà D, lúc này T lấy điện thoại ra giơ lên hướng về phía ông T, bà D để quay video (video này đã được T giao nộp cho cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra). Thấy T dùng điện thoại hướng về phía mình quay video, ông T và bà D đi quay ngược lại về phía T và hai bên xảy ra cãi nhau. Ông T cúi xuống nhặt 01 nắm đất trên đường ném về phía T nhưng không trúng, bà D cũng cúi xuống nhặt 01 viên đá ném về phía T nhưng không trúng, không gây hậu quả gì cho T. Tiếp theo, T đi lùi ra phía cổng chính của chùa Sùng Đức (làm bằng sắt), tại đó hai bên vẫn tiếp tục cãi chửi nhau, lúc này bà D nhặt 01 viên bê tông tại chân bậc thang cổng lối lên cổng cũ ném về phía T khiến T ôm tay trái kêu lên, bà D không thừa nhận ném trúng T, ông T chứng kiến việc bà D có ném viên bê tông về phía T và tại thời điểm đó không có ai khác ném vật gì về phía T. Sau đó, T và bà D đều đến Công an xã N trình báo vụ việc và sang ngay trạm y tế xã N để khám thương tích, còn ông T, bà Uyển, bà Thêm, bà Biện đi về nhà.

* Hậu quả: Bà D bị thương tích sưng nề vùng mông trái, mông phải và sưng nề, sứt sướt vùng lưng bên trái, đã đi khám thương ngay sau khi trình báo tại trạm y tế xã N và phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Q từ ngày 18/11/2021 đến ngày 23/11/2021 ra viện. Thành bị thương tích sưng nề ở vùng cẳng tay trái, đã đi khám thương tại trạm y tế xã N ngay sau khi trình báo và phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Q từ ngày 18/11/2021 đến ngày 19/11/2021 ra viện.

* Vật chứng thu giữ: Thu giữ 01 đoạn video có chứa nội dung hình ảnh liên quan diễn biến vụ án do Nguyễn Văn T tự quay và tự nguyện cung cấp. Sau khi xảy ra sự việc Công an xã N đã có mặt tại hiện trường, tiến hành kiểm tra hiện trường, lập biên bản xác định hiện trường. Kết quả không xác định được

01 gậy gỗ (dạng cành cây), 01 viên bê tông mà Thành sử dụng đánh bà D và 01 viên bê tông mà bà D đã sử dụng ném Thành vì tại hiện trường có rất nhiều cành cây và các viên đá bê tông cùng chủng loại, cùng kích thước tương tự theo mô tả, nên không thu giữ được.

* Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 8680/C09-TT1, ngày 07 tháng 12 năm 2021 Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận:

- “Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định, khám chuyên khoa và các xét nghiệm, xác định bà Nguyễn Thị Minh D bị đa chấn thương phần mềm, đã điều trị, hiện tại để lại các thương tích sau:

- Sẹo vùng lưng trái kích thước 5x2 cm, không ảnh hưởng chức năng.

- Diện bầm tụ máu đang thoái triển tại mông bên phải kích thước 11x8cm.

- Diện bầm tụ máu đang thoái triển tại mông bên trái kích thước 9x4cm.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể: Đối chiếu Bảng 1- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y Tế, áp dụng Nguyên tắc 1 mà mục I.2, Chương 8, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể đối với sẹo kích thước trung bình tại vùng lưng bên trái của bà Nguyễn Thị Minh D tại thời điểm giám định là 02 % (hai phần trăm). Do thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y Tế không quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với tổn thương bầm tụ máu nên không có cơ sở xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với tổn thương bầm tụ máu đang thoái triển tại mông phải và mông trái của bà Nguyễn Thị Minh D.

- Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích tại lưng trái, mông phải và mông trái của bà Nguyễn Thị Minh D do vật tày gây ra.”

* Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 8681/C09-TT1, ngày 07 tháng 12 năm 2021 Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận:

- “Căn cứ kết quả nghiên cứu hồ sơ, khám giám định, khám chuyên khoa và các xét nghiệm, xác định anh Nguyễn Văn T bị chấn thương cẳng tay trái, đã điều trị, hiện tại không có dấu vết thương tích và di chứng chấn thương.

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể: Đối chiếu Bảng 1- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28/8/2019 của Bộ Y Tế, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn T tại thời điểm giám định là 0% (không phần trăm).

- Cơ chế hình thành vết thương: Thương tích tại mặt sau cẳng tay trái của anh Thành (thể hiện tại bản ảnh thương tích gửi giám định) do vật tày gây ra.”

* Tại Bản kết luận giám định số 8780/C09-P6 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file video gửi giám định”.

* Về bồi thường dân sự: Bà D yêu cầu bị cáo Thành bồi thường dân sự số tiền 13.500.000 đồng. Bị cáo Thành không yêu cầu bà D bồi thường và không đồng ý việc bà D yêu cầu Thành phải bồi thường số tiền 13.500.000 đồng vì Thành không đánh gây thương tích cho bà D.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T không khai nhận hành vi phạm tội của mình, nhưng qua lời khai của bị hại và các nhân chứng được thu thập một cách khách quan và các tài liệu liên quan khác đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T đã có hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Cáo trạng số: 20/CT-VKSQO ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm vụ án và đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết luận: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm i, h khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện L, tỉnh H giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Minh D yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 13.500.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo chưa bồi thường. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 590 Bộ luật dân sự, chấp nhận các khoản bồi thường sau đây: Tiền thanh toán tiền viện phí là 1.678.680 đồng (có các hoá đơn kèm theo); Tiền công lao động cho ông Nguyễn Hữu Vinh chồng bà D phải đi chăm sóc bà D tại bệnh viện là 1.000.000 đồng (có biên bản làm việc với ông Vinh); Tiền công lao động cho bà D trong thời gian phải nằm viện là 1.000.000 đồng (có biên bản xác minh tiền công lao động tại địa phương). Tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: 5.000.000 đồng. Tổng cộng là: 8.678.680 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 USB bên trong có hình ảnh liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay,

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tòa luận tội, bị cáo không đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố không có tranh luận gì, bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và không xin lỗi và không bồi thường phía bị hại. Lời sau cùng, bị cáo vẫn khẳng định mình không gây thương tích cho bà D.

- Bị hại bà Nguyễn Thị Minh D bảo lưu các lời khai tại cơ quan điều tra, vẫn yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bị cáo nghiêm khắc với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra cho bà.

* Người bào chữa cho bị cáo, các Luật sư tranh luận:

- Không nhất trí về tội danh như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Q truy tố đối với bị cáo. Vụ án do không thu giữ được vật chứng nên không có căn cứ để kết luận hung khí nào gây ra vết thương cho người bị hại. Mặt khác, trong hồ sơ tại bút lục 360 thì hồ sơ y tế mô tả vết thương khác với mô tả vết thương trong kết luận giám định. Do vậy đề nghị HĐXX áp dụng Điều 280 Bộ luật Hình sự trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ vấn đề chứng cứ;

Đồng thời, đề nghị HĐXX xem xét nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự để xem xét việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Q áp dụng tình tiết “dùng hung khí nguy hiểm”, đó là tình tiết áp dụng cho tội “cướp tài sản” chứ không phải áp dụng cho tội cố ý gây thương tích quy định tại Bộ luật Hình sự năm 1999.

Do vậy đề nghị trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng; luận cứ của các Luật sư bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Quá trình điều tra, truy tố liên quan đến việc giải quyết vụ án (Về hành vi, các quyết định tố tụng), Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015;

[2] Về hành vi và tội danh của bị cáo: Kết quả thực nghiệm điều tra đối với bị cáo và bị hại và những người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T; bà Nguyễn Thị U; ông Vương Trường T đều phù hợp với nhau về vị trí, khoảng cách của bị cáo và bị hại khi xảy ra xô xát, đánh nhau; phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp về biên bản và bản ảnh xác định hiện trường thu giữ.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa không phù hợp với lời khai của người làm chứng, các dữ liệu hình ảnh tại hiện trường đã được thu thập, tiến hành cho nhận dạng một cách khách quan, đảm bảo đúng quy định của pháp luật làm căn cứ chứng minh tội phạm, đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại khu vực công cũ trong khuôn viên chùa Sùng Đức thuộc thôn V, xã N, huyện Q, bị cáo Thành đã có hành vi bất ngờ dùng 01 gậy gỗ (dạng cành cây dài khoảng 01 mét, đường kính 3-4 cm) vụt 03 phát vào mông bà D khiến bà D ngã cúi mặt về phía trước. Sau đó, Thành vứt bỏ gậy gỗ rồi tiếp tục có hành vi cúi xuống nhặt 01 viên bê tông (kích thước khoảng 10x10 cm) đập 01 phát trúng vào vùng lưng bên trái của bà D. Việc đưa bị cáo ra xét xử thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật là cần thiết. Bị cáo là người trực tiếp “dùng hung khí nguy hiểm” gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ 2% trong khi bị hại không có mâu thuẫn gì với bị cáo. Với hành vi trên, có đủ cơ sở để kết tội bị cáo cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật

Hình sự năm 2015, như nội dung Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe của người khác mà còn gây ra hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra, song do thiếu tu dưỡng và ý thức coi thường pháp luật, bị cáo vẫn cố tình vi phạm.

Nội dung Điều luật quy định: *“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

a) Dùng..., “hung khí nguy hiểm”...;

[3] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của bị cáo: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Các tình tiết T nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết T nặng: bị cáo không có tình tiết T nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo không thành khẩn khai báo; Sau khi xảy ra sự không bồi thường cho bị hại; Phía bị hại đề nghị xét xử nghiêm khắc đối với bị cáo nên bị cáo không được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về hình phạt chính: Khi xem xét, quyết định hình phạt với bị cáo: Hội đồng xét xử xét hành vi phạm tội của bị cáo không những chỉ xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an trên địa bàn huyện Q, đặc biệt hành vi phạm tội này diễn ra tại Chùa Sùng Đức, đây là nơi sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng. Do vậy cần thiết phải có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng cải tạo, giáo dục thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa làm gương cho người khác biết tôn trọng pháp luật.

[6] Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị Minh D: Có đủ căn cứ chứng minh bà D có hành vi dùng 01 viên bê tông ném trúng vùng cằm tay trái của bị cáo Thành làm sưng nề gây hậu quả mức độ tổn hại sức khỏe theo kết luận giám định thương tích là **0%**. Ngày 12/4/2022, Công an huyện Q ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà D về hành vi “xâm hại sức khỏe người khác” quy định tại điểm e, khoản 3, Điều 5 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự với mức phạt tiền 2.500.000 đồng. Nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự là có căn cứ.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc Bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường

cho bị hại Nguyễn Thị Minh D số tiền 8.678.680 đồng.

[8] Về vật chứng vụ án: Lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 USB bên trong có hình ảnh liên quan đến vụ án.

[9] Luận cứ của các Luật sư bào chữa cho bị cáo: Nội dung tranh luận, bào chữa tại phiên tòa không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về Điều luật áp dụng, các tình tiết T nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm bồi thường dân sự có căn cứ, phù hợp các quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tuy nhiên đề nghị cho bị cáo cải tạo tại địa phương là không phù hợp với hành vi không nhận tội, không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải của bị cáo tại phiên tòa.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các căn cứ, nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn T 06** (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 USB bên trong có hình ảnh liên quan đến vụ án.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Minh D số tiền 8.678.680 (*tám triệu, sáu trăm bảy tám nghìn, sáu trăm tám mươi*) đồng.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo phải nộp 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 433.934 (*bốn trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm ba tư*) đồng án phí dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 05 tháng 5 năm 2023.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại; Luật sư;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- UBND xã Đ, huyện L, tỉnh H;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long